

Báo cáo Thị trường Lúa gạo

Tháng 7 2024

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường lúa gạo trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt	03
Phần I: Thị trường gạo thế giới	04
1. Sản lượng, tiêu thụ	04
2. Tình hình xuất nhập khẩu	07
3. Diễn biến giá	11
Phần II: Thị trường gạo Việt Nam	13
1. Sản xuất	13
2. Xuất khẩu	13
3. Diễn biến giá	15
4. Tình hình nhập khẩu	17
Phần III: Dự báo	18
Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành	19
Phần V: Chính sách	21
Phụ lục	22

Viết tắt, giải nghĩa

Bulog: Cơ quan Hậu cần quốc gia Indonesia

CRF: Liên đoàn Lúa gạo Campuchia

DA: Bộ Nông nghiệp Philippines

FAO: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc

IGC: Hội đồng ngũ cốc quốc tế

PBS: Cục Thống kê Pakistan

PSA: Cơ quan Thống kê Philippines

USDA: Bộ Nông nghiệp Mỹ

VFA: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Trong báo cáo tháng 8, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2024-2025 ở mức 527,7 triệu tấn xay xát, trong khi tiêu thụ vào khoảng 527 triệu tấn. Như vậy, cung – cầu gạo thế giới trong niên vụ 2024-2025 khá cân bằng với mức thặng dư khoảng 0,7 triệu tấn.
- Xuất khẩu gạo của Ấn Độ trong 6 tháng đầu năm chỉ đạt hơn 8,55 triệu tấn, giảm tới 23,7% (2,65 triệu tấn) so với cùng kỳ năm ngoái. Ngược lại, xuất khẩu của Thái Lan tăng 25% lên hơn 5 triệu tấn, Pakistan tăng 60%, Campuchia tăng 4,6%...
- Chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) trong tháng 7 đạt trung bình 133,3 điểm, giảm 2,4% so với tháng trước. Giao dịch gạo trắng Indica nhìn chung khá trầm lắng do thiếu nhu cầu mới trong bối cảnh tắc nghẽn cảng, thiếu container và giá cước vận chuyển tăng kéo dài đến giữa tháng 7.
- Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 7 đã khởi sắc trở lại sau khi suy giảm vào tháng trước. Tính chung 7 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo tăng 8,3% về lượng và tăng 27,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023, đạt gần 5,3 triệu tấn với trị giá thu về gần 3,34 tỷ USD.
- Tại trong nước, giá lúa gạo tăng từ 500 – 1.323 đồng/kg do nguồn cung vụ Hè Thu giảm sút, cùng với ảnh hưởng của mưa bão từ tháng 8 khiến chất lượng lúa giảm. Giá lúa gạo tăng là tin vui cho người nông dân, nhưng lại là nỗi lo lớn với các doanh nghiệp bởi giá xuất khẩu thấp.
- Xuất khẩu gạo dự kiến tiếp tục thuận lợi trong những tháng cuối năm và kỳ vọng sẽ có thể mang về kỷ lục khoảng 5 tỷ USD trong năm nay. Diễn biến thị trường cho thấy nhu cầu của nhiều thị trường lớn, truyền thống của Việt Nam, như Philippines, Indonesia, Singapore... vẫn ở mức cao trong thời gian tới.
- Mặc dù xuất khẩu gạo tăng cao nhưng kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp ngành này lại tương đối ảm đạm trong nửa đầu năm 2024.

Phần I: THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI



Việc Ấn Độ hạn chế xuất khẩu gạo đã mở ra cơ hội cho các nước sản xuất hàng đầu khác như Thái Lan, Việt Nam, Pakistan... mở rộng thị phần trên thị trường quốc tế. Trong khi đó, nhu cầu nhập khẩu của Philippines và Indonesia đang chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ.

1 Sản xuất - Tiêu thụ

a. Sản xuất

Trong báo cáo tháng 8, USDA đã hạ dự báo sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2024-2025 xuống mức 527,7 triệu tấn xay sát, giảm 464.000 tấn so với dự báo trước đó nhưng tăng 7,3 triệu tấn so với niên vụ trước.

Diện tích thu hoạch toàn cầu niên vụ 2024-2025 được dự báo đạt mức cao kỷ lục là 166,9 triệu ha, giảm 684.000 ha so với dự báo trước đó nhưng tăng 1% so với niên vụ 2023-2024.

Trong đó, diện tích thu hoạch niên vụ 2024-2025 của Ấn Độ đạt 48 triệu ha, giảm 500.000 ha so với dự báo trước nhưng tăng gần 1% so với niên vụ 2023-2024 và là mức cao nhất được ghi nhận. Diện tích thu hoạch của Ấn Độ được điều chỉnh giảm so với tháng trước dựa trên tiến độ gieo trồng được Chính phủ Ấn Độ báo cáo cho đến nay. Mặc dù diện tích giảm, tổng sản lượng gạo niên vụ 2024-2025 của Ấn Độ vẫn được dự báo ở mức kỷ lục 138 triệu tấn.

USDA dự báo sản lượng gạo niên vụ 2024-2025 sẽ tăng ở Argentina, Australia, Bangladesh, Brazil, Myanmar, Campuchia, Trung Quốc, Liên minh châu Âu (EU), Ấn Độ, Iraq, Indonesia, Thái Lan, Mỹ... Chỉ có một số ít quốc gia ghi nhận giảm gồm Ai Cập, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Cũng theo USDA, Bangladesh, Campuchia, Ấn Độ, Nigeria, Pakistan và Sri Lanka được dự báo sẽ đạt sản lượng kỷ lục trong niên vụ 2024-2025. Dự báo sản lượng này dựa trên giả định thời tiết bình thường cho từng quốc gia trong năm 2024-2025.

Như vậy, nguồn cung gạo toàn cầu (sản lượng và tồn kho đầu kỳ) dự báo tăng năm thứ hai liên tiếp trong niên vụ 2024-2025 lên mức kỷ lục 704,4 triệu tấn, giảm 961.000 tấn so với dự báo trước nhưng tăng 4,3 triệu tấn so với niên vụ 2023-2024.

b. Tiêu thụ

Tiêu thụ gạo toàn cầu niên vụ 2024-2025 được USDA dự báo ở mức kỷ lục 527 triệu tấn, gần như không đổi so với dự báo trước đó nhưng tăng 3,5 triệu tấn so với niên vụ 2023-2024.

Tiêu thụ gạo của Trung Quốc, quốc gia sử dụng gạo lớn nhất thế giới, dự kiến giảm hơn 3,1 triệu tấn so với niên vụ trước xuống còn 145 triệu tấn. Trong khi đó, tiêu thụ của các nước tiếp theo là Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia và Philippines tăng lần lượt là 2,5 triệu tấn, 400.000 tấn, 500.000 tấn và 700.000 tấn.

c. Tồn kho

Tồn kho gạo toàn cầu trong niên vụ 2024-2025 được dự báo vào khoảng 177,4 triệu tấn, giảm 654.000 tấn so với dự báo trước đó, nhưng lớn hơn 746.000 tấn so với một năm trước và là mức tăng đầu tiên kể từ năm 2020-2021.

Lượng dự trữ toàn cầu lớn hơn dự kiến trong niên vụ 2024-2025 là kết quả của một vụ mùa cao kỷ lục trên toàn cầu.

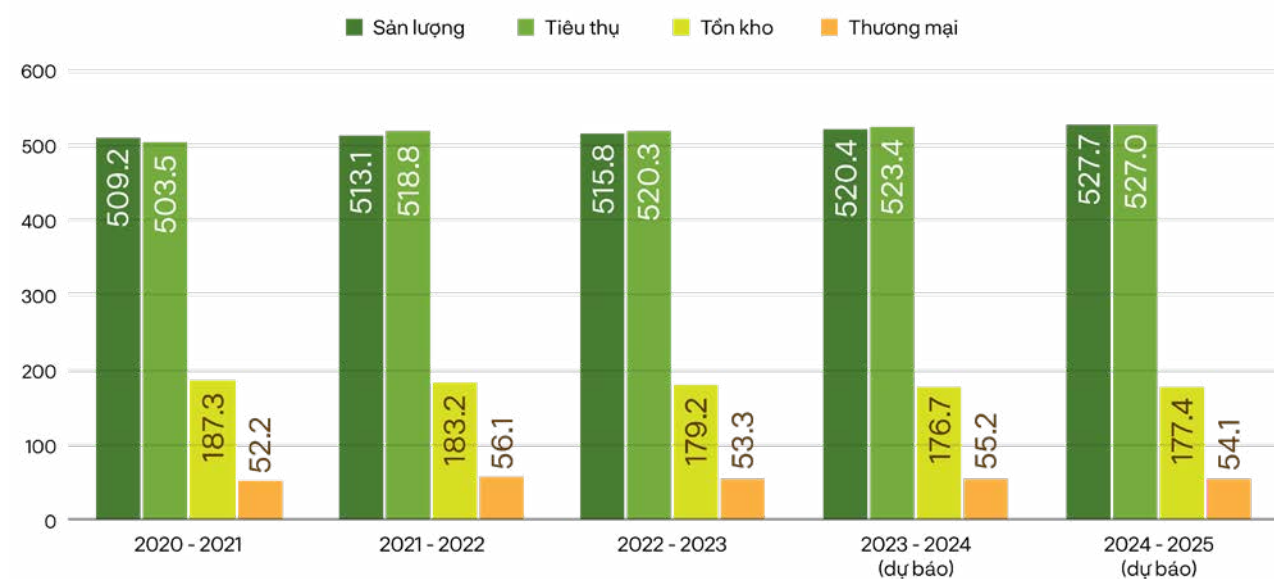
Trung Quốc chiếm tỷ trọng lớn nhất trong mức tăng dự kiến tồn kho toàn cầu niên vụ 2024-2025, với mức tăng 1 triệu tấn so với niên vụ trước lên 104 triệu tấn, mức tăng đầu tiên kể từ niên vụ 2019-2020.

Dự trữ cuối kỳ của Ấn Độ niên vụ 2024-2025 dự kiến vẫn ở mức 38,5 triệu tấn, không thay đổi so với kỷ lục của năm trước, do vụ mùa bội thu và sản lượng lớn hơn bù đắp cho mức sử dụng trong nước kỷ lục và xuất khẩu mở rộng.

Trong niên vụ 2024-2025, Ấn Độ và Trung Quốc cùng nhau chiếm khoảng 80% lượng dự trữ cuối kỳ toàn cầu, tương đương với một năm trước đó. Tỷ lệ dự trữ/sử dụng toàn cầu là 33,7%, gần như không thay đổi so với một năm trước đó nhưng thấp hơn mức ước tính của niên vụ 2018 – 2019 đến 2022-2023. **(Biểu đồ 1).**

Biểu đồ 1: Cung – cầu gạo thế giới từ niên vụ 2020 - 2021 đến 2024 - 2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Ảnh: Mint.

d. Thương mại

Thương mại gạo toàn cầu trong năm dương lịch 2025 được dự báo đạt 54,1 triệu xay xát, giảm 160.000 tấn so với báo cáo trước và giảm 1,1 triệu tấn so với niên vụ 2023-2024.

Về phía nhập khẩu năm 2025, USDA hạ dự báo nhập khẩu đối với Brazil, Nepal, Philippines, Nga và Tanzania, nhưng tăng dự báo nhập khẩu với Afghanistan, Bờ Biển Ngà, Ghana, Kazakhstan, Mexico và Mozambique (**Biểu đồ 2**).

Trong tháng này, USDA hạ dự báo xuất khẩu của Brazil và Việt Nam xuống còn 7,4 triệu tấn và 1,2 triệu tấn, giảm 100.000 tấn so với dự báo tháng trước. Đồng thời, USDA nâng dự báo xuất khẩu đối với El Salvador, Kazakhstan và Nga.

Thương mại gạo toàn cầu tiếp tục bị hạn chế bởi lệnh cấm và hạn chế xuất khẩu của Ấn Độ được thực hiện vào tháng 9/2022 và tháng 7 và tháng 8/2023, làm giảm nguồn cung xuất khẩu và đẩy giá giao dịch tăng trên toàn cầu.

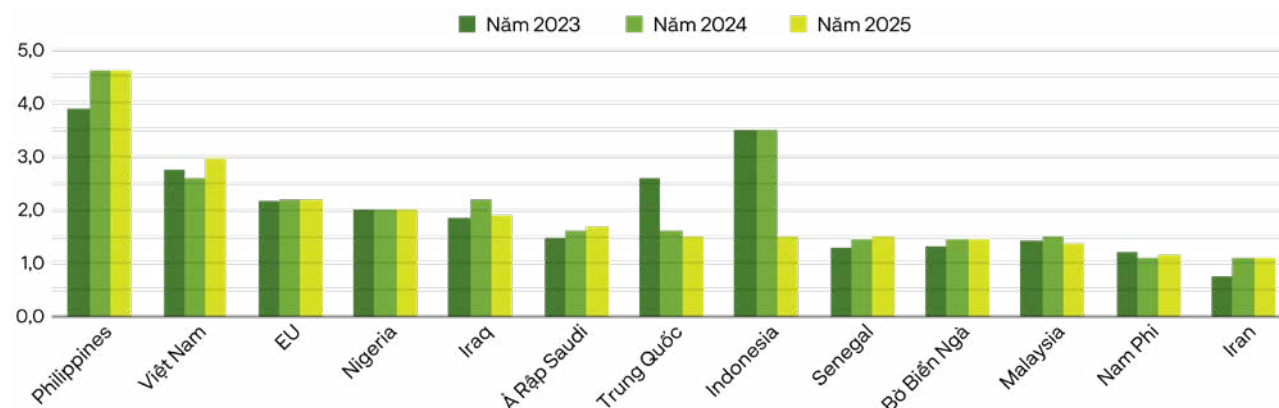
Một số nhà cung cấp lớn trên thế giới đã mở rộng các lô hàng xuất khẩu vào năm 2023 và 2024 để bù đắp cho sự sụt giảm của Ấn Độ.

Thương mại gạo toàn cầu năm 2024 dự kiến đạt 55,2 triệu tấn, tăng 112.000 tấn so với dự báo trước đó và tăng 1,95 triệu tấn so với năm 2023 (**Biểu đồ 3**).

Với niên vụ hiện tại 2023-2024, sản lượng gạo toàn cầu dự báo đạt 520,4 triệu tấn, giảm 455.000 tấn so với ước tính trước đó nhưng tăng 4,4 triệu tấn so với niên vụ trước.

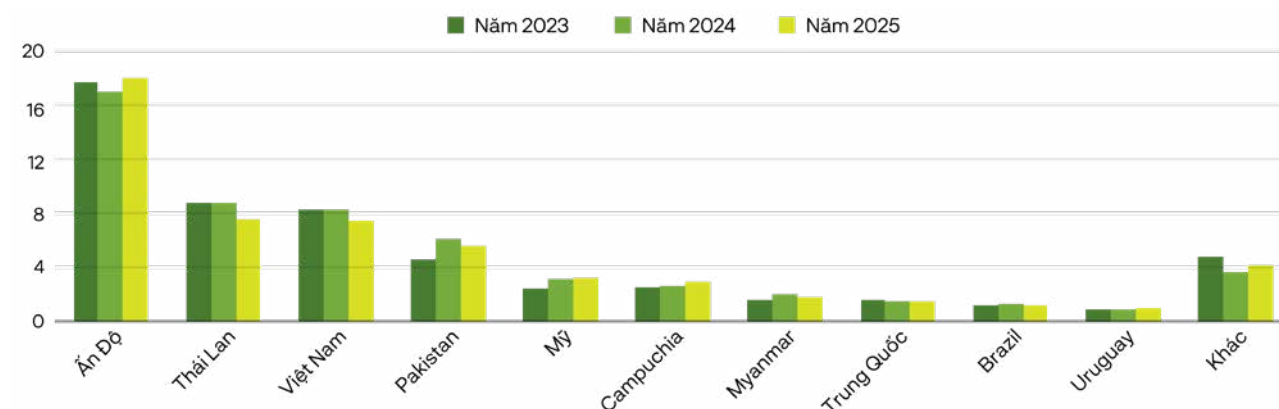
Biểu đồ 2: Nhập khẩu gạo của các quốc gia hàng đầu trong năm 2023 và dự báo 2024-2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Biểu đồ 3: Xuất khẩu gạo của các nước sản xuất hàng đầu trong năm 2023 và dự báo 2024-2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Tiêu thụ toàn cầu trong niên vụ 2023-2024 ước tính đạt 523,45 triệu tấn, tăng 0,34 triệu tấn so với dự báo trước đó và tăng 3,5 triệu tấn so với niên vụ trước. Tháng này, ước tính về mức tiêu thụ trong niên vụ 2023-2024 tăng ít nhất 50.000 tấn đối với Afghanistan, Bờ Biển Ngà và Ghana, nhưng giảm ít nhất 50.000 tấn đối với Brazil, Trung Quốc, Kenya, Philippines, Sierra Leone và Thái Lan.

Trong niên vụ 2023-2024, lượng dự trữ cuối kỳ toàn cầu ước tính là 176,7 triệu tấn, giảm 3 triệu tấn so với niên vụ trước và là năm thứ ba liên tiếp giảm. Trung Quốc chiếm tỷ trọng lớn nhất trong mức giảm dự trữ cuối kỳ niên vụ 2023-2024, với lượng dự trữ giảm 3,6 triệu tấn xuống còn 103 triệu tấn, mức nhỏ nhất kể từ vụ 2016-2017. Sự sụt giảm ở Trung Quốc là do vụ mùa nhỏ hơn và lượng dự trữ giảm mạnh.

2 Tình hình xuất nhập khẩu

a. Xuất khẩu

 **Ấn Độ:** Theo số liệu từ Bộ Thương mại Ấn Độ, xuất khẩu gạo của nước này trong 6 tháng đầu năm chỉ đạt hơn 8,55 triệu tấn, giảm tới 23,7% (2,65 triệu tấn) so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, do giá gạo tăng nên giá trị kim ngạch thu về chỉ giảm nhẹ 1%, đạt 5,9 tỷ USD.

Các thị trường nhập khẩu gạo hàng đầu từ Ấn Độ trong nửa đầu năm nay chủ yếu vẫn là các quốc gia ở châu Phi và Trung Đông như: Ả Rập Saudi đạt 830.643 tấn, tăng 18%; Benin 709.831 tấn, giảm 27%; Guinea 620.169 tấn, tăng 16,6%...

Về sản xuất, Ấn Độ đã nhận được lượng mưa nhiều hơn 9% so với mức trung bình vào tháng 7 khi mùa mưa đến sớm hơn, đặc biệt là ở các tiểu bang miền trung và miền nam.

Tính đến ngày 2/8, diện tích trồng lúa vụ Kharif (tháng 6-tháng 9) niên vụ 2023-2024 của Ấn Độ đã đạt 27,7 triệu ha, tăng khoảng 5,3% so với ước tính là 26,3 triệu ha, theo Bộ Nông nghiệp và Phúc lợi Nông dân.

Các nguồn tin Chính phủ Ấn Độ cho biết nước này đang xem xét nói lỏng các hạn chế xuất khẩu gạo do lượng gạo tồn kho trong nước tăng cao kỷ lục.

New Delhi dự kiến hạ giá xuất khẩu tối thiểu (MEP) của gạo basmati xuống 800 - 850 USD/tấn, từ mức 950 USD/tấn. Ngoài ra, giảm thuế xuất khẩu 20% đối với gạo đồ và đưa ra mức thuế xuất khẩu tối thiểu để ngăn chặn tình trạng ghi thiếu hóa đơn của các lô hàng.

 **Thái Lan:** Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan (TREA), dự kiến khối lượng xuất khẩu gạo của Thái Lan trong tháng 7 sẽ vào khoảng 700.000 tấn do các nhà xuất khẩu vẫn còn khá nhiều hợp đồng cần giao.

Còn trong nửa đầu năm 2024, Thái Lan đã xuất khẩu 5,08 triệu tấn gạo, tăng 25% so với một năm trước đó. Xuất khẩu gạo được hỗ trợ bởi nhu cầu từ các thị trường chính, bao gồm Indonesia và Philippin, và đồng baht yếu.

Bộ Thương mại Thái Lan cho biết Thái Lan dự kiến xuất khẩu 8,2 triệu tấn gạo trong năm nay, tăng so với mức dự báo 7,5 triệu tấn trước đó, nhờ nhu cầu gạo từ các thị trường lớn, sản lượng dự kiến cao hơn và đồng nội tệ yếu.

Các nhà nhập khẩu gạo đẩy mạnh mua tiêu thụ và dự trữ để đảm bảo an ninh lương thực, đồng thời Philippines và Indonesia sẽ tiếp tục nhập khẩu gạo để giảm bớt tác động của lạm phát và hạn hán. Trong khi đó, sản lượng lúa gạo dự kiến cao hơn trong quý cuối năm do tác động của hiện tượng thời tiết El Nino đã giảm bớt.

Tuy nhiên, xuất khẩu gạo của Thái Lan trong năm 2025 có khả năng sẽ thấp hơn con số 8 triệu tấn do ảnh hưởng từ một số yếu tố có thể cản trở khả năng cạnh tranh của nước này, bao gồm việc thiếu hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) cho các giống lúa, nguồn cung toàn cầu tăng và khả năng Ấn Độ dỡ bỏ các hạn chế xuất khẩu gạo vào cuối năm nay.



Pakistan: Số liệu từ Cơ quan Thống kê Pakistan cho thấy, xuất khẩu gạo của Pakistan trong năm tài chính 2023-2024 (từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau) đạt 6 triệu tấn, trị giá khoảng 3,88 tỷ USD, tăng mạnh 60% về lượng và tăng 78% về giá trị so với năm tài chính trước. Đây là kim ngạch xuất khẩu thu về cao nhất trong lịch sử ngành gạo Pakistan do hưởng lợi từ lệnh cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ.

Các nhà xuất khẩu Pakistan đã có được mức giá gạo tốt trên thị trường quốc tế do lệnh cấm xuất khẩu gạo của đối thủ cạnh tranh Ấn Độ.



Campuchia: Theo báo cáo từ Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF), Campuchia đã xuất khẩu 379.546 tấn gạo xay xát trong 7 tháng đầu năm nay, với kim ngạch thu về 280 triệu USD, tăng 4,6% về lượng và tăng 10,7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Trung Quốc tiếp tục là nước nhập khẩu gạo lớn nhất của Campuchia trong 7 tháng qua, với khối lượng đạt 77.204 tấn, trị giá 48 triệu USD.

Ngoài ra, Campuchia đã xuất khẩu 186.377 tấn gạo với trị giá 144 triệu USD sang EU, 77.933 tấn trị giá 53 triệu USD sang khu vực ASEAN bao gồm Đông Timor và 38.032 tấn, trị giá 33 triệu USD sang các điểm đến khác.

Các loại gạo xuất khẩu chính gồm gạo thơm, gạo trắng hạt dài, gạo đỏ và gạo hữu cơ, trong đó gạo thơm chiếm đến 70,5% tỷ trọng.

CRF cho rằng sự tăng trưởng trong xuất khẩu là nhờ những nỗ lực thúc đẩy thị trường mới, cải thiện chất lượng và bao bì cũng như năng lực cao của các nhà máy xay xát gạo thông qua sự hỗ trợ tài chính từ chính phủ và các ngân hàng.

Campuchia cũng đã xuất khẩu 2.711.179 tấn lúa, trị giá 784 triệu USD sang các nước láng giềng trong 7 tháng đầu năm, theo *Khmertimeskh*.

b. Nhập khẩu



Philippines: Trong báo cáo mới đây, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đã điều chỉnh dự báo nhập khẩu gạo của Philippines xuống còn 4,6 triệu tấn trong năm 2024, giảm 100.000 tấn so với dự báo trước do tốc độ mua chậm lại.

USDA dự kiến lượng gạo nhập khẩu sẽ vẫn ở mức 4,6 triệu tấn vào năm tới do mức tiêu thụ “ổn định” và lượng tồn kho cuối kỳ cũng như dự kiến sản lượng trong nước sẽ tăng mặc dù thuế nhập khẩu đã giảm.

Mặc dù hạ dự báo USDA cũng cho biết Philippines sẽ vẫn là nước nhập khẩu gạo hàng đầu thế giới, tiếp theo là Việt Nam, EU và Nigeria.

Theo Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI), tính đến cuối tháng 7, Philippines đã nhập khẩu gần 2,5 triệu tấn gạo, tăng 23,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Chính phủ nước này đã hạ thuế nhập khẩu gạo từ 35% xuống 15% cho đến năm 2028 thông qua Sắc lệnh hành pháp số 62. Sắc lệnh này có hiệu lực vào tháng trước. Do đó, Bộ Nông nghiệp Philippines dự kiến lượng gạo nhập khẩu sẽ tăng trong những tháng tới, dựa trên khối lượng giấy phép nhập khẩu được BPI cấp.

Trong tháng 7, BPI đã cấp 686 giấy chứng nhận nhập khẩu vệ sinh và kiểm dịch thực vật cho các đơn vị nộp đơn được chấp thuận để nhập khẩu 557.815 tấn. Tính đến cuối tháng 7, số giấy phép được cấp là 5.133 với khối lượng nhập khẩu vào khoảng 5,6 triệu tấn.

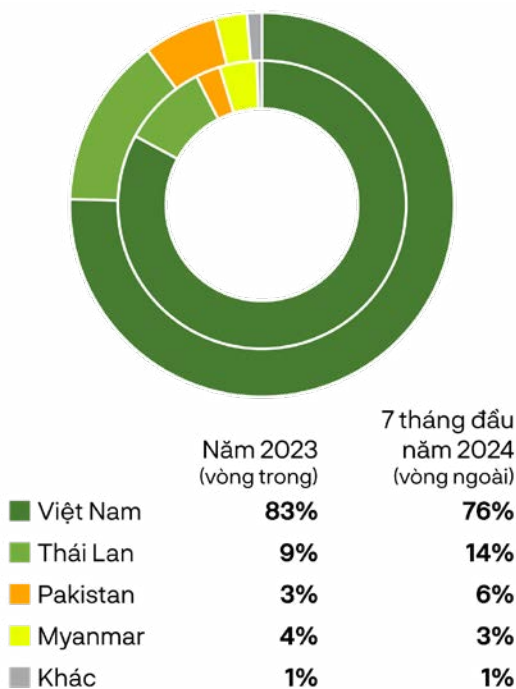
Báo cáo của BPI cho biết, trong 7 tháng đầu năm, Việt Nam vẫn là nước cung cấp gạo hàng đầu cho Philippines, chiếm 76% tổng lượng gạo nhập khẩu với gần 1,9 triệu tấn **(Biểu đồ 4)**.

Tiếp đến là Thái Lan cung cấp 358.728 tấn, chiếm 14,7% thị phần; Pakistan đạt 154.523 tấn, chiếm 6%. Ngoài ra, Myanmar và Ấn Độ đã đạt lần lượt là 66.640 tấn và 21.605 tấn.

Dữ liệu mới nhất của Cơ quan Thống kê Philippines (PSA) cho thấy sản lượng lúa của Philippines trong nửa đầu năm nay đã giảm 5,5% xuống còn 8,5 triệu tấn so với mức hơn 9 triệu tấn của cùng kỳ năm ngoái do tác động của El Nino. Đây cũng là mức thấp nhất được ghi nhận kể từ năm 2020.

Biểu đồ 4: Cơ cấu các thị trường xuất khẩu gạo vào Philippines năm 2023 và 7 tháng đầu năm 2024

Nguồn: BPI.



Tính riêng trong quý II, sản lượng lúa giảm 9,5% xuống còn 3,84 triệu tấn từ 4,2 triệu tấn của cùng kỳ năm ngoái. Trước đó, sản lượng quý I đã giảm 2% xuống còn 4,7 triệu tấn.



Trung Quốc: Theo số liệu của Cơ

quan Hải quan Trung Quốc, lượng gạo nhập khẩu của nước này trong 6 tháng đầu năm đạt 730.000 tấn, giảm 59,3% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam đạt 214.660 tấn trong 6 tháng, chiếm 29,8% dung lượng nhập khẩu thị trường, nhưng so với cùng kỳ năm ngoái giảm 68,8%.

Tiếp đến là Myanmar đạt 200.704 tấn, giảm 46,7%; Thái Lan đạt 198.056 tấn, giảm 8,5%; Campuchia đạt 64.175 tấn, giảm 55,9%; Pakistan đạt ...

Nhiệt độ cao trên 40°C ở Trung Quốc, đặc biệt là ở các tỉnh nội địa như Hồ Bắc, Hồ Nam và Chiết Giang, đang đe dọa hoạt động thu hoạch lúa vụ sớm tại Trung Quốc.

Trước đó, mưa lớn và lũ đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến Trung Quốc, đe dọa đến năng suất của ngành nông nghiệp, từ đó gây thách thức cho nỗ lực đảm bảo an ninh lương thực của quốc gia này.

Năng suất lúa đầu mùa - loại lương thực chính được thu hoạch ở miền Trung và miền Nam Trung Quốc - được cho là sẽ giảm do thời tiết bất lợi, bao gồm nhiệt độ thấp, ánh sáng kém, mưa rửa trôi bông lúa và ngập úng kể từ tháng 3.

Các sự kiện thời tiết khắc nghiệt xảy ra ngày càng nhiều trong những năm gần đây đã làm gia tăng căng thẳng đối với nỗ lực tự cung tự cấp lương thực của Trung Quốc, điều mà Bắc Kinh đã đặt trọng tâm chưa từng có để nuôi sống 1,4 tỷ người dân trong bối cảnh thị trường toàn cầu ngày càng bất ổn.

 **Indonesia:** Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê Trung ương Indonesia (BPS), nhập khẩu gạo của Indonesia trong 6 tháng đầu năm đạt 2,6 triệu tấn, tăng 148% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong đó, lượng gạo nhập khẩu từ Thái Lan đạt hơn 1 triệu tấn, tăng 92,1% so với cùng kỳ và chiếm 40,5% thị phần. Tiếp theo là Việt Nam với khối lượng đạt 703.609 tấn, tăng 76,5% và chiếm 26,6%.

Indonesia cũng mở rộng nhập khẩu từ các quốc gia khác, đặc biệt là Pakistan và Myanmar, với tăng đột biến 10,8 lần và 61 lần so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong phiên mở thầu mua 320.000 tấn gạo 5% tẩm trong tháng 7 của Cơ quan hậu cần quốc gia Indonesia (Bulog), Việt Nam trúng 7/12 gói thầu với tổng khối lượng vào khoảng 185.000 tấn, Myanmar trúng thầu 3 lô gạo. Các doanh nghiệp Việt Nam và Myanmar trúng thầu lần này đồng mức giá là 563 USD/tấn. Mức giá này tương đương với giá các doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu vào tháng 5.

Các doanh nghiệp Thái Lan và Pakistan cũng tham gia thầu nhưng đều không trúng do giá chào khá cao từ 584 – 592 USD/tấn.

Indonesia dự báo nhu cầu nhập khẩu gạo của nước này sẽ tăng lên 4,3 triệu tấn trong năm 2024, tạo cơ hội lớn cho các nhà cung cấp, bao gồm cả Việt Nam.

 **Nhật Bản:** Theo số liệu từ ITC, nhập khẩu gạo của Nhật Bản trong năm 2023 đạt mức kỷ lục 708.975 tấn, tăng 5,9% so với năm 2022.

Còn trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt 368.434 tấn, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Các thị trường cung cấp chính gồm Mỹ với 174.066

tấn, tăng 88,7%; Thái Lan 158.281 tấn, giảm 31,2%; Australia 17.880 tấn, giảm 27,4%...

Việt Nam đứng thứ 8 về xuất khẩu gạo vào Nhật Bản trong nửa đầu năm nay với khối lượng đạt 707 tấn, chỉ chiếm 0,2% tổng nhập khẩu gạo của nước này, nhưng so với cùng kỳ năm ngoái tăng tới 378%.

Tình trạng khan hiếm một số mặt hàng thực phẩm thiết yếu, trong đó đáng chú ý nhất là gạo đang xảy ra tại Nhật Bản. Tại các siêu thị lớn như Life, Fronte và một số cửa hàng gạo ở Tokyo, hầu hết các kệ hàng bán gạo và mì ăn liền đều trống hoàn toàn. Ngay cả gạo nếp tuy vẫn còn trên kệ nhưng lại hạn chế mỗi khách hàng chỉ được mua 1kg. Một số cửa hàng chuyên về gạo thậm chí đã đóng cửa vì hết hàng.

Hiệp hội bán lẻ gạo Nhật Bản (JRRA) cho biết, nhiệt độ cao của năm ngoái đã làm giảm chất lượng và giảm năng suất trồng lúa gạo. Điều đó có nghĩa là lượng gạo làm lương thực chính sẽ khan hiếm hơn.

Theo Bộ Nông nghiệp Nhật Bản, nguyên nhân là do hoạt động thu hoạch lúa gạo năm 2023 bị ảnh hưởng và lượng khách du lịch nước ngoài đổ xô đến Nhật Bản khiến nhu cầu tăng mạnh.

Cũng theo Bộ này, lượng gạo tồn kho của khu vực tư nhân đã giảm xuống còn 1,56 triệu tấn vào tháng 6, giảm 20% so với cùng kỳ năm trước và là mức thấp nhất kể từ năm 1999. Hầu hết lượng gạo thu hoạch trong năm nay vẫn chưa được đưa ra thị trường và lượng gạo tồn kho năm ngoái đã giảm xuống mức dự trữ tối thiểu, cả hai yếu tố này đều góp phần dẫn tới tình trạng thiếu hụt hiện nay.

Vụ thu hoạch lúa năm nay cũng đang được dự báo sẽ chịu ảnh hưởng bởi thời tiết nắng nóng, ít nhiều sẽ tác động tới các nhà sản xuất và

người tiêu dùng. Thị trường gạo tại Nhật Bản có thể lại phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt nguồn cung sớm hơn dự kiến trong năm tới và xu hướng tăng giá gạo được dự báo sẽ còn tiếp tục.

3 Diễn biến giá

Chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) trong tháng 7 đạt trung bình 133,3 điểm, giảm 2,4% so với tháng trước.

Tại khu vực châu Á, giao dịch gạo trắng Indica nhìn chung khá trầm lắng do thiếu nhu cầu mới trong bối cảnh tắc nghẽn cảng, thiếu container và giá cước vận chuyển tăng kéo dài đến giữa tháng 7. Việc Ấn Độ có khả năng nới lỏng các hạn chế xuất khẩu và tiến độ thu hoạch vụ Hè Thu của Việt Nam cũng ảnh hưởng đến giá gạo Indica. Trong tháng vừa qua, giá loại gạo này có xu hướng giảm ở Thái Lan và Việt Nam, nhưng vẫn ổn định ở Ấn Độ và Pakistan (Bảng 1).

Bảng 1: Diễn biến giá gạo thế giới từ tháng 4/2024 đến tháng 7/2024

Nguồn: FAO.

Nước sản xuất	Loại gạo	Diễn biến giá qua các tháng (USD/tấn)				% thay đổi của tháng 7/2024 so với		
		4/2024	5/2024	6/2024	7/2024	6/2024	Đầu năm 2024	Cùng kỳ 2023
Ấn Độ	Basmati	1.400	1.400	1.400	1.400	0,0	0,0	▼ 9,7
	Gạo đỏ 5% tấm	525	520	540	537	▼ 0,5	▲ 1,5	▲ 23,1
Pakistan	Basmati	959	907	900	900	0,0	▼ 11,5	▼ 20,0
	Trắng 25% tấm	521	532	533	532	▼ 0,2	▼ 3,9	▲ 11,2
	Trắng 5% tấm	574	583	580	582	▲ 0,2	▼ 6,5	▲ 12,5
Thái Lan	Trắng 100% tấm	606	642	646	603	▼ 6,7	▼ 10,8	▲ 7,3
	Trắng 25% tấm	564	593	595	555	▼ 6,6	▼ 10,6	▲ 6,0
	A1 Super	468	476	469	445	▼ 5,2	▼ 9,1	▼ 0,8
	Hom Mali	878	917	932	936	▲ 0,4	▲ 4,7	▲ 3,1
	Nếp 10% tấm	759	790	812	820	▲ 1,0	▲ 0,9	▲ 3,0
	Đồ 100%	600	633	624	591	▼ 5,4	▼ 9,2	▲ 7,4
Việt Nam	Nếp 10% tấm	588	585	589	590	▲ 0,1	▼ 0,3	▲ 12,5
	Trắng 25% tấm	540	543	532	502	▼ 5,6	▼ 16,3	▲ 4,7
	Trắng 5% tấm	568	568	549	536	▼ 2,5	▼ 15,6	▲ 6,3
	Thơm 5% tấm	607	614	589	573	▼ 2,8	▼ 18,2	▲ 3,5
Campuchia	Thơm 5% tấm	909	929	929	927	▼ 0,2	▲ 6,4	▲ 20,8
Mỹ	Gạo trắng 4% tấm	965	965	915	865	▼ 5,5	▼ 15,6	▼ 45,9
	Calrose 4% tấm	780	782	785	779	▼ 0,8	▲ 6,5	▲ 9,5
Argentina	Trắng 5% tấm	707	784	825	807	▼ 2,2	▼ 0,3	▲ 33,9
Brazil	Trắng 5% tấm	755	784	815	801	▼ 1,8	▼ 12,9	▲ 25,3
Uruguay	Trắng 5% tấm	739	809	822	814	▼ 1,0	▼ 7,8	▲ 28,3

Cập nhật đến nửa đầu tháng 8, giá gạo xuất khẩu tại các quốc gia sản xuất hàng đầu thế giới chỉ biến động nhẹ so với tháng trước.

Tính đến ngày 15/8, gạo 5% tấm của Ấn Độ được báo giá ở mức 536-540 USD/tấn, giảm 3-5 USD/tấn so với trước đó. Giá xuất khẩu gạo của Ấn Độ giảm do nhu cầu yếu và dự báo sản lượng cao hơn trong niên vụ mới khi diện tích trồng trọt được mở rộng.

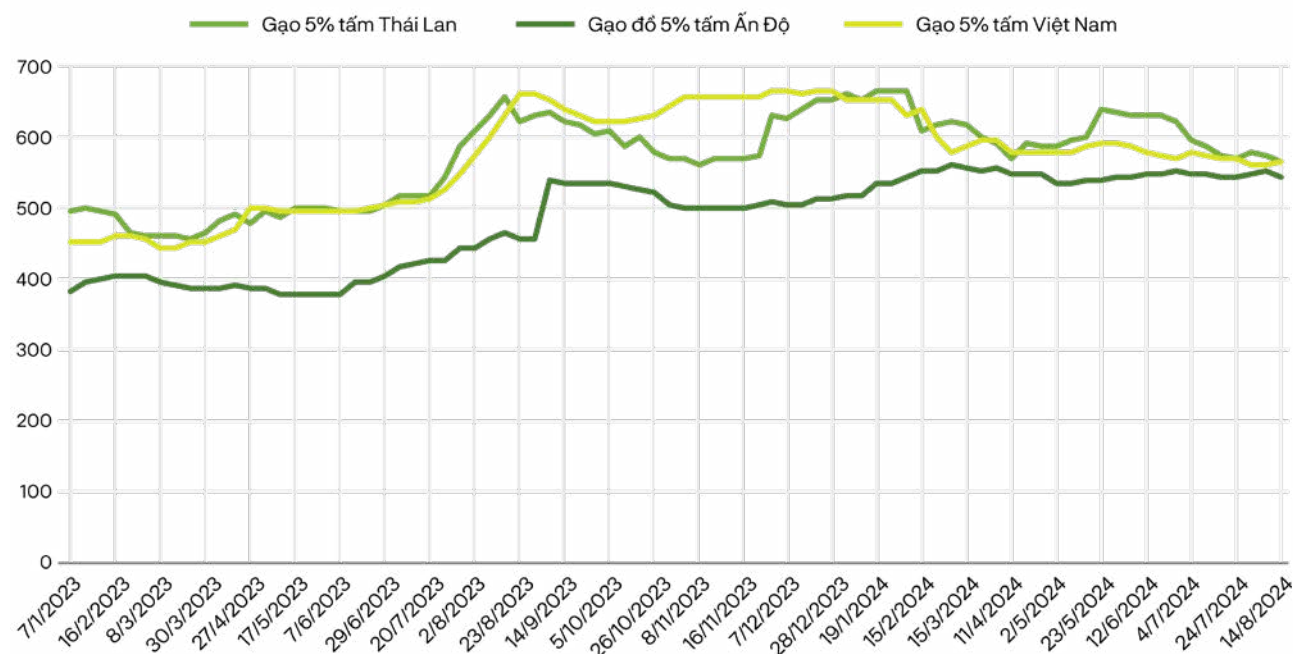
Mức chênh lệch giá của Ấn Độ so với Thái Lan và Việt Nam thu hẹp, dẫn đến xuất khẩu giảm. Ngoài ra, đồng Rupee của Ấn Độ đã giảm xuống mức thấp kỷ lục, làm tăng lợi nhuận của các nhà xuất khẩu từ việc bán hàng ở nước ngoài.

Tại Việt Nam, giá gạo 5% tấm được chào bán ở mức 570 USD/tấn, tăng so với mức 565 USD của tuần trước và tương đương mức giá đạt được cách đây một tháng. Các thương nhân cho biết, nguồn cung trong nước thấp, trong khi các nhà xuất khẩu đang tăng cường giao hàng sang Indonesia và châu Phi.

Gạo 5% tấm của Thái Lan được báo giá ở mức 567 USD/tấn, tăng nhẹ so với mức 565 USD của tuần trước, nhưng giảm so với mức 570 – 575 USD/tấn của tháng trước. Nhu cầu từ các khách hàng chính của nước này khá trầm lắng, đồng thời nguồn cung ra thị trường tương đối ổn định và giá có thể giảm nếu nguồn cung tăng thêm **(Biểu đồ 5)**. ■

Biểu đồ 5: Diễn biến giá gạo thế giới từ năm 2023 đến ngày 15/8/2024

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ Reuters.



Phần II: THỊ TRƯỜNG GẠO VIỆT NAM



Hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 7 đã khởi sắc trở lại sau khi sau khi chững lại vào tháng trước. Tại trong nước, giá lúa gạo cũng tăng từ 500 – 1.323 đồng/kg do nguồn cung vụ Hè Thu giảm sút, cùng với ảnh hưởng của mưa bão từ tháng 8 khiến chất lượng lúa giảm.

1 Sản xuất

Tính đến ngày 8/8, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL đã xuống giống được 1,465 triệu ha/1,480 triệu ha diện tích kế hoạch vụ Hè Thu 2024. Đồng thời thu hoạch được khoảng 975 nghìn ha, với năng suất khoảng 60 tạ/ha, sản lượng ước đạt 5,89 triệu tấn lúa.

2 Xuất khẩu

Hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam đã khởi sắc trở lại sau khi sau khi chững lại vào tháng trước.

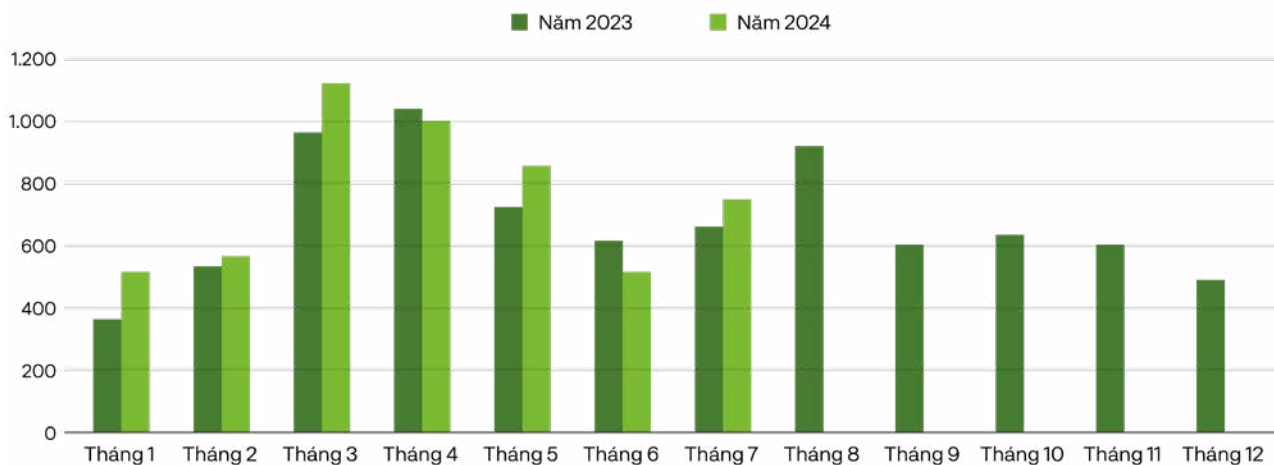
Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 7, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt 751.093 tấn, trị giá 451,77 triệu USD, so với tháng trước tăng 46,3% về lượng và 39,7% về trị giá, đồng thời so với cùng kỳ năm ngoái tăng 13,9% về lượng và 24,8% về trị giá.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu gạo tăng 8,3% về lượng và tăng 27,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023, đạt gần 5,3 triệu tấn với trị giá thu về gần 3,34 tỷ USD **(Biểu đồ 6)**.

Trong 7 tháng đầu năm, Philippines tiếp tục là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của nước ta, chiếm 43,6% trong tổng lượng và 42,6% tổng trị giá xuất khẩu gạo của cả nước, đạt trên

Biểu đồ 6: Xuất khẩu gạo của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2024

Đơn vị: Nghìn tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



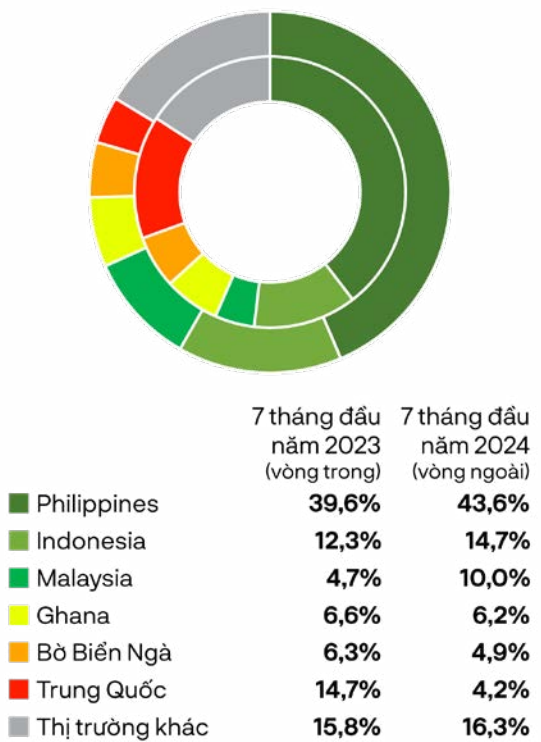
2,31 triệu tấn, tương đương trên 1,42 tỷ USD, giá 615 USD/tấn, tăng 19,4% về lượng, tăng 44,4% về trị giá và tăng 21% về giá so với 7 tháng năm 2023 (**Biểu đồ 7**).

Xuất khẩu gạo sang thị trường lớn thứ hai là Indonesia, đạt 778.692 tấn, trị giá 481,69 triệu USD, tăng 29,2% về lượng, tăng 60,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 14,7% thị phần về lượng và 14,4% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo. Giá xuất khẩu gạo bình quân sang thị trường này tăng 24,5% lên 618,6 USD/tấn,

Tiếp đến, xuất khẩu gạo sang thị trường Malaysia tăng 129,3% về lượng, tăng 176,6% kim ngạch và tăng 20,6% về giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 529.730 tấn, tương đương 314,18 triệu USD, giá trung bình 593 USD/tấn, chiếm 10% trong tổng lượng và chiếm 9,4% trong tổng trị giá xuất khẩu.

Biểu đồ 7: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2024, % theo khối lượng

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Bảng 2: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.

Thị trường xuất khẩu	Tháng 7/2024		So sánh với tháng 6/2024		So sánh với tháng 7/2023		7 tháng năm 2024		So với 7 tháng năm 2023	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Tổng	751.093	451.772	▲ 46,3	▲ 39,7	▲ 13,9	▲ 24,8	5.299.443	3.339.710	▲ 8,3	▲ 27,7
Philippines	372.289	215.035	▲ 241,3	▲ 225,1	▲ 54,6	▲ 67,9	2.310.375	1.420.953	▲ 19,4	▲ 44,4
Indonesia	66.254	37.420	▲ 94,2	▲ 93,0	▼ 39,8	▼ 33,1	778.692	481.689	▲ 29,2	▲ 60,9
Malaysia	68.227	39.493	▼ 42,0	▼ 42,3	▲ 90,5	▲ 115,0	529.730	314.179	▲ 129,3	▲ 176,6
Ghana	78.246	52.104	▲ 49,8	▲ 47,1	▲ 57,9	▲ 76,7	330.433	228.536	▲ 2,3	▲ 24,3
Bờ Biển Ngà	49.656	28.109	▲ 209,4	▲ 205,8	▼ 44,6	▼ 41,9	261.486	160.254	▼ 14,8	▲ 3,7
Trung Quốc	8.821	5.139	▼ 21,1	▼ 21,6	▼ 78,9	▼ 77,8	223.413	130.837	▼ 68,9	▼ 68,4
Singapore	12.481	8.226	▲ 11,2	▲ 8,9	▲ 3,9	▲ 14,6	104.133	68.012	▲ 37,8	▲ 55,1
Mozambique	5.051	3.411	▲ 730,8	▲ 671,4	▼ 21,5	▼ 12,9	58.910	40.516	▲ 24,6	▲ 52,3
UAE	5.098	3.628	▲ 72,9	▲ 72,2	▲ 21,8	▲ 35,4	33.767	24.594	▲ 11,7	▲ 29,6
Campuchia	5.174	3.220	▲ 34,5	▲ 28,1	▲ 12,3	▲ 20,7	33.598	21.730	▼ 1,5	▲ 1,8
Hong Kong	5.043	3.525	▲ 26,0	▲ 20,2	▼ 6,4	▲ 10,8	27.634	19.223	▼ 33,9	▼ 21,9
Saudi Arabia	5.753	4.363	▲ 149,5	▲ 143,0	▲ 149,4	▲ 176,3	26.197	19.814	▲ 39,7	▲ 62,4
Australia	4.205	3.435	▲ 23,1	▲ 10,5	▲ 17,6	▲ 33,7	20.617	16.645	▲ 12,7	▲ 25,8
Mỹ	2.004	1.902	▼ 34,3	▼ 31,2	▼ 36,6	▼ 19,7	16.890	14.952	▼ 13,5	▲ 3,5
Thổ Nhĩ Kỳ	119	119	▼ 99,2	▼ 98,7	▼ 91,5	▼ 86,7	14.544	9.290	▲ 32,6	▲ 32,3
Đài Loan	2.232	1.391	▲ 43,4	▲ 41,8	▲ 23,5	▲ 37,8	11.400	7.240	▼ 54,9	▼ 47,1
Ukraine	260	175	▼ 97,4	▼ 97,2			10.656	6.800	▲ 3.951,7	▲ 3.421,0

Thị trường xuất khẩu	Tháng 7/2024		So sánh với tháng 6/2024		So sánh với tháng 7/2023		7 tháng năm 2024		So với 7 tháng năm 2023	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Hà Lan	521	419	▼ 44,7	▼ 50,2	▼ 54,5	▼ 47,2	7.449	6.391	▼ 17,3	▲ 4,3
Ba Lan	482	400	▼ 66,5	▼ 60,4	▼ 74,1	▼ 67,7	6.877	5.136	▼ 19,9	▼ 7,6
Nga	1.506	992	▲ 31,9	▲ 13,4	▲ 282,2	▲ 240,2	6.427	4.694	▲ 60,9	▲ 92,6
Tanzania							5.455	3.992	▼ 56,2	▼ 50,1
Nam Phi	664	504	▲ 42,2	▲ 27,7	▼ 12,3	▲ 0,5	4.829	3.604	▼ 10,3	▲ 3,0
Pháp	127	115	▼ 9,3	▼ 29,7	▼ 73,8	▼ 67,1	2.730	2.245	▲ 18,6	▲ 32,8
Senegal	53	36					1.472	1.061	▼ 87,6	▼ 78,8
Tây Ban Nha	399	341	▲ 126,7	▲ 121,9	▲ 56,5	▲ 63,5	1.433	1.172	▼ 51,7	▼ 46,5
Chile	728	439	▲ 116,0	▲ 112,7			1.158	708	▼ 83,6	▼ 78,2
Angola	147	111	▲ 104,2	▼ 25,6	▲ 194,0	▲ 187,8	821	727	▼ 3,3	▲ 54,2
Bangladesh							334	264	▼ 20,3	▼ 17,2
Bỉ							275	142	▼ 93,3	▼ 93,2
Iraq							152	132	▼ 53,2	▼ 37,7
Algeria	81	52					81	52		
Brunei							65	62	▼ 77,0	▼ 58,1
Khác	55.472	37.667	▼ 50,2	▼ 49,8	▲ 38,0	▲ 44,2	467.410	324.062	▲ 21,9	▲ 40,6

Ngoài ra, lượng gạo xuất khẩu sang Singapore tăng 37,8%, Mozambique tăng 24,6%, UAE tăng 11,7%, đặc biệt là Ukraine tăng 40 lần lên 10.656 tấn.

Trong khi đó, khối lượng gạo xuất khẩu sang Bờ Biển Ngà giảm 14,8% so với cùng kỳ, Trung Quốc giảm 68,9%, Hong Kong giảm 33,9%...
(Bảng 2)

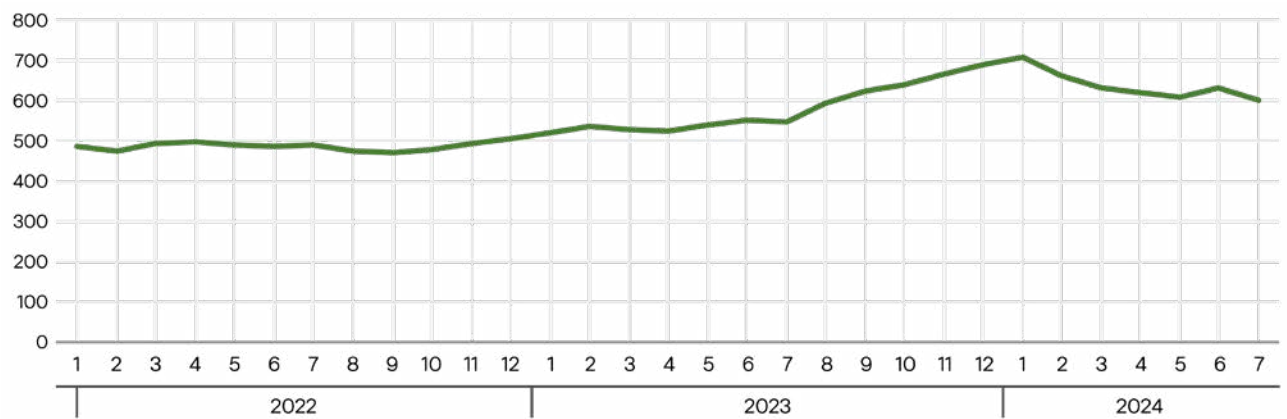
3 Diễn biến giá

Trong tháng 7, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam đạt bình quân 601 USD/tấn, mức thấp nhất kể từ tháng 9/2023 và giảm 4,5% so với tháng trước. Tuy nhiên, mức giá này vẫn cao hơn 9,5% so với cùng kỳ năm ngoái (Biểu đồ 8).

Tính chung 7 tháng đầu năm, giá xuất khẩu gạo tăng 17,9% lên mức bình quân 630 USD/tấn.

Biểu đồ 8: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022-2024

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Khảo sát từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) cho thấy, tính đến đầu tháng 8 giá lúa tại ruộng đạt 7.482 đồng/kg, tăng 511 đồng/kg so với tháng trước, trong khi giá lúa thường tại kho đã chạm mức 9.117 đồng/kg, tăng 500 đồng/kg. Tương tự, giá gạo cũng tăng từ 700 – 1.323 đồng/kg trong tháng qua (Bảng 3).

Giá lúa tăng là tin vui cho người nông dân, nhưng lại là nỗi lo lớn với các doanh nghiệp bởi giá xuất khẩu thấp.

Một số doanh nghiệp cho biết, giá lúa tăng chủ yếu do nguồn cung vụ Hè Thu giảm sút, cùng

với ảnh hưởng của mưa bão từ tháng 8 khiến chất lượng lúa giảm. Các nhà nhập khẩu có nhu cầu nhưng lại ép giá, chỉ chốt hợp đồng với mức giá thấp, buộc doanh nghiệp phải mua bán cầm chừng.

Việc ký mới hợp đồng xuất khẩu với giá thấp trong thời điểm này tiềm ẩn nguy cơ thua lỗ lớn. Bởi từ tháng 7 đến tháng 10, nguồn cung lúa tiếp tục giảm, khiến giá nguyên liệu xu hướng còn tăng cao.

Ngoài áp lực về giá, các doanh nghiệp xuất khẩu còn đối mặt với chi phí vận tải tăng cao do xung đột quốc tế và sự biến động của tỷ giá.

Bảng 3: Diễn biến giá lúa gạo tại ĐBSCL tính đến đầu tháng 8/2024

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

Chủng loại	Tại ngày 8/8/2024	So sánh tăng/giảm					
		So với 1 tháng trước		So với đầu năm 2024		So với cùng kỳ năm trước	
	đồng/kg	%	đồng/kg	%	đồng/kg	%	đồng/kg
Lúa thường tại ruộng	7.482	▲ 7,3	▲ 511	▼ 19,2	▼ 1.775	▲ 3,7	▲ 268
Lúa thường tại kho	9.117	▲ 5,8	▲ 500	▼ 13,7	▼ 1.442	▲ 4,4	▲ 388
Lứt loại 1	12.058	▲ 9,9	▲ 1.083	▼ 13,0	▼ 1.805	▲ 3,5	▲ 404
Xát trắng loại 1	14.240	▲ 10,2	▲ 1.323	▼ 11,6	▼ 1.873	▲ 4,4	▲ 602
5% tấm	13.914	▲ 5,6	▲ 743	▼ 10,1	▼ 1.565	▲ 1,9	▲ 264
15% tấm	13.650	▲ 5,7	▲ 742	▼ 10,6	▼ 1.625	▲ 2,2	▲ 300
25% tấm	13.300	▲ 6,5	▲ 808	▼ 11,3	▼ 1.692	▲ 1,7	▲ 225
Tấm 1/2	9.879	▲ 2,2	▲ 215	▼ 17,1	▼ 2.042	▼ 4,7	▼ 485
Cám xát/lau	7.171	▲ 2,4	▲ 171	▲ 7,6	▲ 507	▼ 5,5	▼ 415



Ảnh: Lê Hoàng Vũ.

4 Tình hình nhập khẩu

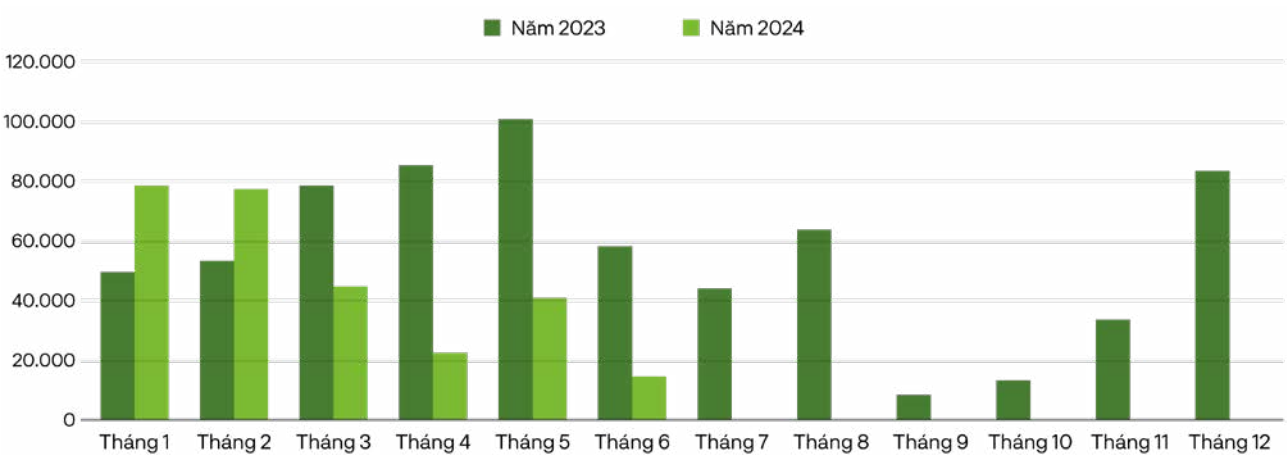
Là nước xuất khẩu gạo lớn thứ ba thế giới nhưng Việt Nam đồng thời cũng là nhà nhập khẩu lớn thứ hai toàn cầu.

Theo dự báo của USDA, nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2024 ở mức gần 2,6 triệu tấn, giảm 150.000 tấn so với năm trước.

Còn theo số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ, Việt Nam đã nhập khẩu 279.839 tấn gạo từ nước này trong nửa đầu năm, giảm 34,3% so với cùng kỳ năm ngoái và là đối tác nhập khẩu gạo lớn thứ 9 của nước này với thị phần chiếm 3,3% (**Biểu đồ 9**). ■

Biểu đồ 9: Nhập khẩu gạo của Việt Nam từ Ấn Độ năm 2023-2024

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Bộ Thương mại Ấn Độ.



Phần III: DỰ BÁO



Xuất khẩu gạo dự kiến tiếp tục thuận lợi trong những tháng cuối năm và kỳ vọng sẽ có thể mang về kim ngạch kỷ lục khoảng 5 tỷ USD trong năm nay.

Các thông tin về thị trường cho thấy nhu cầu của nhiều thị trường lớn, truyền thống của Việt Nam, như Philippines, Indonesia, Singapore... vẫn ở mức cao trong thời gian tới.

Đơn cử như tại Philippines - thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới được dự báo tăng lượng gạo nhập khẩu từ 4,2 triệu tấn lên 4,5 - 4,7 triệu tấn trong năm 2024. Mới đây, Philippines đã giảm thuế nhập khẩu gạo từ mức 35% xuống còn 15%, thời gian áp dụng tới năm 2028.

Sản xuất trong nước sụt giảm, trong khi nhu cầu tiêu dùng nội địa tăng kết hợp với thuế nhập khẩu được điều chỉnh giảm được cho là sẽ thúc đẩy các hoạt động nhập khẩu gạo của Philippines trong thời gian tới. Hiện Việt Nam đang là nguồn cung gạo lớn nhất cho thị trường này, chiếm khoảng 76% thị phần.

Còn tại Indonesia, trong phiên mở thầu tháng 7 mua số lượng 320.000 tấn gạo 5% tẩm của Cơ quan Hậu cần quốc gia Indonesia, doanh nghiệp Việt Nam đã trúng 7 trên 12 gói thầu, tổng số lượng gạo trúng thầu là 185.000 tấn. Indonesia có thể nhập khẩu đến 4,3 triệu tấn gạo thay vì 3,6 triệu tấn như thông báo từ đầu năm 2024. Lý do là sản lượng gạo mà quốc gia này sản xuất từ đầu năm đến tháng 8/2024 thấp hơn 9,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Động thái tăng sản lượng nhập khẩu của Indonesia và Philippines chắc chắn có tác động đến xuất khẩu gạo Việt Nam, bởi đây là 2 thị trường mua nhiều gạo nhất của nước ta.

Ngoài ra, Nhật Bản cũng là thị trường nhiều tiềm năng của gạo Việt Nam trong thời gian tới do nhu cầu tăng cao trong khi tồn kho ở mức thấp.

Bên cạnh những yếu tố tác động tích cực, hoạt động xuất khẩu gạo cũng đang phải đối mặt với những khó khăn nhất định. Đó là giá gạo nguyên liệu đang có xu hướng tăng, trong khi giá thế giới hạ nhiệt. Ngoài ra, chi phí vận tải tăng cao do xung đột quốc tế và sự biến động của tỷ giá.

Việc Ấn Độ, nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, có kế hoạch nới lỏng các hoạt động hạn chế xuất khẩu gạo cũng có thể tác động mạnh lên thị trường trong những tháng cuối năm. ■

Phần IV: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Xuất khẩu gạo tăng cao nhưng kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp ngành này lại tương đối âm ảm trong nửa đầu năm 2024.

CTCP Nông nghiệp công nghệ cao Trung An (Mã: TAR):



TRUNG AN®

Quý II vừa qua, gạo Trung An ghi nhận doanh thu đạt 2.704 tỷ đồng, tăng 67% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nhưng giá vốn tăng mạnh đã bào mòn lợi nhuận gộp của công ty xuống còn 40 tỷ đồng, giảm 39% so với cùng kỳ.

Tuy nhiên, nhờ doanh thu tài chính ghi nhận tăng gấp đôi cùng loạt chi phí tiết giảm mạnh nên sau thuế, Gạo Trung An lỗ 3,4 tỷ đồng. Cải thiện đáng kể so với số lỗ gần 7,9 tỷ đồng ghi nhận vào quý II/2023.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, Gạo Trung An ghi nhận doanh thu đạt 3.419 tỷ đồng, tăng 36%. Sau khi trừ các chi phí, công ty lỗ sau thuế 772 tỷ đồng trong khi cùng kỳ có lãi hơn 7,5 tỷ đồng.

CTCP Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex Mã: AGM):



6 tháng đầu năm, doanh thu thuần của AGM đạt gần 151 tỷ đồng, giảm 53%. Đáng chú ý, công ty không còn ghi nhận

khoản thu 207 tỷ đồng từ hoạt động bán xe honda, phụ tùng, dịch vụ sửa chữa trong quý.

Ngược lại doanh thu bán hàng lương thực trong kỳ của công ty tăng 67% lên hơn 118 tỷ đồng, chiếm tỉ trọng lớn nhất cơ cấu doanh thu.

Tuy nhiên, dưới sự bào mòn của giá vốn, cộng thêm các khoản chi phí nên sau thuế Angimex lỗ tới 99,5 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2024, tăng đáng kể so với con số -57,7 tỷ đồng của cùng kỳ năm trước.

Năm 2024, mặc dù Angimex điều chỉnh giảm kế hoạch lãi trước thuế về 5 tỷ đồng, thấp hơn 81% so với kế hoạch cũ, nhưng tới nay công ty vẫn chưa thể có lãi. Tính đến thời điểm ngày 30/6/2024, lỗ lũy kế của công ty tăng lên gần 260 tỷ đồng, khiến vốn chủ sở hữu của Angimex xuống mức âm gần 78 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed; Mã: NSC):



VINASEED®

Vinaseed ghi nhận doanh thu thuần quý II đạt 632 tỷ đồng, tăng 22% so với

cùng kỳ năm trước. Bất chấp chi phí giá vốn hàng bán tăng, lợi nhuận gộp của công ty vẫn tăng 13% lên 191 tỷ đồng.

Ở chiều ngược lại, các khoản chi phí của Vinaseed trong kỳ đều ghi nhận phát sinh so với cùng kỳ năm trước. Do đó, sau khi trừ các chi phí, Vinaseed báo lãi 56,9 tỷ đồng, giảm 2% so với cùng kỳ.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, Vinaseed ghi nhận doanh thu đạt 1.071 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt 116 tỷ đồng; sau thuế công ty báo lãi đạt 93 tỷ đồng, tăng nhẹ.

Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (Vinafood II; Mã: VSF):



Công ty ghi nhận doanh thu đạt 6.445 tỷ đồng trong quý II/2024, giảm 7% so với cùng kỳ.

Tuy nhiên, nhờ tích cực tiết giảm các khoản chi phí trong quý nên kết quả của công ty ghi nhận ngược dòng tăng trưởng 12%, đạt 10,6 tỷ đồng.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, Vinafood II ghi nhận doanh thu thuần đạt 11.242 tỷ đồng, giảm nhẹ so với đầu năm. Nhờ cắt giảm các khoản chi phí khác mà lợi nhuận sau thuế của công ty tăng lên 20,6 tỷ đồng, gấp đôi so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là một trong số ít doanh nghiệp gạo báo lãi tăng trưởng trong quý II vừa qua.

CTCP Tập đoàn Lộc Trời (Mã: LTG):



Tập đoàn Lộc Trời mới đây đã có công văn gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) về việc xin hoãn công bố báo cáo tài chính quý 2/2024.

Công ty cho biết đang gặp phải một số sự kiện bất khả kháng cần phải tăng cường ổn định dòng vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, toàn bộ tập đoàn phải tập trung vào việc xử lý các vấn đề tài chính trước mắt.

Bên cạnh đó, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của tập đoàn được tổ chức muộn hơn các năm trước. Sau Đại hội, tập đoàn lại gặp phải một số biến động nhân sự, thay đổi một số nhân sự chủ chốt, việc này làm ảnh hưởng đến tiến độ tổng hợp, cung cấp số liệu để hoàn thiện báo cáo tài chính quý II đúng thời hạn quy định.

Trước đó, ngày 16/7, sau khi miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của ông Nguyễn Duy Thuận, ông Huỳnh Văn Thôn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã có thư ngỏ gửi các tổ chức, cá nhân liên quan cho biết sẽ trực tiếp chỉ đạo và điều hành tất cả các hoạt động của Tập đoàn cho đến khi có quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

Ông Thôn khẳng định, Tập đoàn Lộc Trời vẫn đang trong giai đoạn khó khăn và mong nhận được sự hỗ trợ của các bên, đặc biệt là các ngân hàng nhằm giúp Lộc Trời có đủ tiềm lực tài chính, ổn định lại sản xuất kinh doanh trong 6 tháng cuối năm 2024 và những năm tiếp theo thật bền vững.

Trong quý I, tập đoàn này ghi nhận doanh thu thuần gần 3.850 tỷ đồng, nhưng sau khi trừ các khoản chi phí, lại báo lỗ sau thuế hơn 96 tỷ đồng. Tính từ đầu năm 2023 đến hết quý I/2024, trong 5 quý kinh doanh thì Tập đoàn Lộc Trời báo lỗ tới 3 quý. Nguyên nhân chính gây thua lỗ là chi phí tài chính tăng cao đã “bào mòn” lợi nhuận, cùng với biến động tỷ giá và chi phí nguyên liệu đầu vào leo thang. ■

Phần V: CHÍNH SÁCH



Đề xuất thành lập Hội đồng lúa gạo quốc gia

Ngày 6/8, Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên và Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Lê Minh Hoan cùng chủ trì cuộc họp đề xuất thành lập Hội đồng lúa gạo quốc gia với các bộ ngành, địa phương, hiệp hội liên quan.

Theo đó, Bộ trưởng Lê Minh Hoan nhấn mạnh, ngoài việc khắc phục các hạn chế, Hội đồng lúa gạo sẽ xử lý nhanh chóng các vấn đề thời sự liên quan đến lúa gạo. Hội đồng sẽ họp định kỳ hàng năm nhưng sẵn sàng họp bất thường khi cần thiết.

Đóng góp thêm, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên cũng cho biết ngành lúa gạo Việt Nam đang gặp nhiều vướng mắc như sản xuất nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu, đời sống nông dân còn khó khăn, xuất khẩu gạo phụ thuộc nhiều vào các thị trường truyền thống.

Bộ trưởng cho rằng gạo nước ta có thể đáp ứng tại các thị trường khó tính hơn, nhưng việc khai thác và quảng bá trong sản xuất và xuất khẩu còn hạn chế, sự hợp tác giữa các doanh nghiệp chưa hiệu quả, không giữ vững được vị thế do thiếu chiến lược và đầu tư.

Ông Nguyễn Hồng Diên khẳng định, hội đồng sẽ tư vấn cho Chính phủ có những chính sách nhằm tăng giá trị, thương hiệu gạo Việt Nam, phối hợp chặt chẽ với các bộ ngành, địa phương và hiệp hội, đóng vai trò trung tâm, điều phối các hoạt động.

Sau khi lắng nghe ý kiến đóng góp của các đại biểu, ông cũng yêu cầu các đơn vị liên quan sớm hoàn thiện dự thảo và trình Chính phủ để sớm đưa ra quyết định.

Hội đồng lúa gạo quốc gia dự kiến sẽ do một Phó Thủ tướng chủ trì, cùng với 2 Bộ trưởng Công Thương và Nông nghiệp làm phó chủ tịch. Đây sẽ là một liên ngành đưa ra các quyết sách quan trọng cho ngành lúa gạo, góp phần đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững.

Sản lượng lúa năm 2024 ước đạt 43,4 triệu tấn, giảm nhẹ so với năm trước. Tuy nhiên, xuất khẩu gạo vẫn rất khả quan, đạt 5,18 triệu tấn trong 7 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu tăng 25,1% với giá xuất khẩu bình quân đạt 632,2 USD/tấn. ■

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Bộ Công Thương
Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA)
Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
Tổng cục Hải quan
Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)
Hội đồng ngũ cốc quốc tế (IGC)
Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)

Tổng cục Hải quan Trung Quốc
Bộ Thương Mại Ấn Độ
Reuters

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường lúa gạo tháng 7/2024” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kì chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 4/2024
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 5/2024
- Báo cáo thị trường lúa gạo quý II/2024

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Vân Miên**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 2 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5, ngõ 38A, Phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Hotline: 0938.189.222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  **VIETNEWS CORP**